

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
SABECO SÔNG TIỀN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 23



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thương Mại SABECO Sông Tiền (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công Ty Cổ Phần Thương Mại SABECO Sông Tiền là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 về người đại diện pháp luật của công ty và tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên thành 40 tỷ đồng.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Bà Lê Thị Xuân Hoàn
- Ông Phan Châu Long
- Ông Trịnh Văn Hòa

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Thành viên
- Thành viên

Ban kiểm soát:

Họ và tên:

- Ông Đồng Việt Trung
- Ông Huỳnh Văn Hùng
- Ông Nguyễn Ngọc Hà

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

- Bà Trần Kim Chiến
- Ông Bùi Chí Hiếu

Chức vụ:

- Giám đốc
- Q.Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 5E Phạm Hùng, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Công ty có các chi nhánh:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
---------------	---------

CN Tiền Giang	Số 333 QL 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
CN Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
CN Bến Tre	Số 24/E3 Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, TX Bến Tre
CN Trà Vinh	Số 187A Hùng Vương, phường 5, TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
CN Long An	Số 140 đường 833, KP Phú Nhơn, P.5, TX Tân An, Tỉnh Long An



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, hoạt động chính của Công ty là:

- + Mua bán rượu, bia, nước giải khát;
- + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn;

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (trước đây là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán (AFC) - Chi nhánh Cần Thơ) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty.))

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

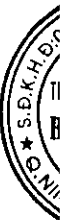
Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.



LÊ THỊ XUÂN HOÀN

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Thành phố Vĩnh Long, ngày 10 tháng 02 năm 2010





Công ty Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Kế toán (AFC)

Chi Nhánh Cần Thơ
237A5 Đường 30/4
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (0710)3827888
Fax: (0710)3823209
Email: bdoafc.ct@bdoafc.vn

Số: 060/2009/BDO-CNCT

Cần Thơ, ngày 10 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TM SABECO SÔNG TIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Tiền cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Sông Tiền, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0173/KTV

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0600/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.619.150.509	50.688.276.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.993.892.347	25.514.957.321
1. Tiền	111		16.993.892.347	25.514.957.321
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.955.938.560	5.571.186.720
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	407.810.238	505.942.974
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	20.600.140	2.691.492.962
3. Các khoản phải thu khác	135	5.4	1.529.241.982	2.375.464.584
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.713.800)	(1.713.800)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	13.334.751.051	18.769.713.422
1. Hàng tồn kho	141		13.334.751.051	18.769.713.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		334.568.551	832.418.957
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		260.098.086	25.499.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.568.465	277.095.933
3. Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	53.902.000	529.823.025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.353.908.670	20.902.750.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.833.791.865	1.137.632.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.194.661.865	1.137.632.532
- Nguyên giá	222		1.571.225.070	1.359.984.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(376.563.205)	(222.352.105)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	2.639.130.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	7.989.300.688	6.085.984.743
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1.473.867.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.630.214.327	6.799.119.727
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.640.913.639)	(2.187.002.384)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.530.816.117	13.679.133.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	18.530.816.117	13.679.133.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.973.059.179	71.591.027.127



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.589.416.149	23.317.430.693
I. Nợ ngắn hạn	310		33.525.510.047	15.083.014.529
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.11	10.277.884.722	1.096.633.483
3. Người mua trả tiền trước	313		77.398.520	46.514.820
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.12	5.391.760.732	2.773.861.388
5. Phải trả người lao động	315		1.755.486.337	1.340.851.766
6. Chi phí phải trả	316	5.13	1.847.497.569	9.766.746.209
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	14.175.482.167	58.406.863
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.063.906.102	8.234.416.164
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	2.062.317.400	8.212.775.912
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.588.702	21.640.252
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.383.643.030	48.273.596.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	63.824.706.875	47.381.979.903
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.565.701.685	1.881.239.832
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.879.810.365	940.619.916
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		300.000.000	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.079.194.825	4.560.120.155
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.558.936.155	891.616.531
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3.558.936.155	891.616.531
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.973.059.179	71.591.027.127

HNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

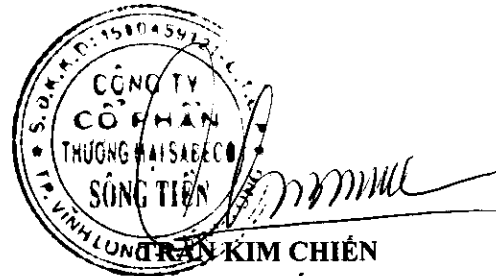
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	
5. Ngoại tệ các loại			
USD			
EUR			
SGD			
NDT			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

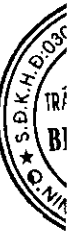


BÙI CHÍ HIẾU
Kế Toán Trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 2 năm 2010



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.362.231.023.000	648.029.455.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		1.362.231.023.000	648.029.455.551
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.300.169.079.325	584.550.725.089
5. Lợi nhuận gộp	20		62.061.943.675	63.478.730.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.848.780.528	1.039.972.568
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(546.088.745)	2.187.002.384
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	24.645.852.433	40.430.105.859
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	4.261.360.870	2.674.951.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.549.599.645	19.226.643.417
11. Thu nhập khác	31	6.7	20.113.049.628	1.296.129.777
12. Chi phí khác	32	6.8	14.199.733.734	1.086.355.287
13. Lợi nhuận khác	40		5.913.315.894	209.774.490
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.462.915.539	19.436.417.907
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	7.239.226.714	5.552.766.899
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		34.223.688.825	13.883.651.008
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	8.556	7.727

04A899
 CÔNG
 CH NHIỆM
 ĐO VIÊN
 CN. CẢI
 H. KIỂU.



BÙI CHÍ HIẾU
 Q. Kế Toán Trưởng



TRẦN KIM CHIẾN
 Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 2 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.462.915.539	19.436.417.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	154.211.100	2.054.271.313
- Các khoản dự phòng	03	(566.140.295)	2.196.970.081
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.083.943.833)	(1.039.972.568)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.967.042.511	22.647.686.733
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.192.436.653	(3.302.001.605)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5.434.962.371	(17.603.599.100)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(10.750.950.722)	10.577.033.177
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.086.280.772)	(48.808.251)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.252.624.698)	(4.908.535.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	28.777.992.312	334.344.678
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(23.619.988.829)	(929.935.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.662.588.826	6.766.184.082
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.850.370.433)	(620.390.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.235.163.305	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.584.800.000)	(3.459.919.727)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	227.572.800	225.932.600
7. Tiền thu lãi gửi ngân hàng	27	1.788.780.528	1.039.972.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.183.653.800)	5.185.595.002
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	14.353.477.315
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.313.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	8.040.177.314
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.521.064.974)	19.991.956.398
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.514.957.321	5.523.000.923
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		16.993.892.347	25.514.957.321



Bùi Chí Hiếu

BÙI CHÍ HIẾU
Q.Kế Toán Trưởng



Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 2 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 54.0.3.000030 đăng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17 tháng 3 năm 2006 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty:

- + Mua bán rượu, bia, nước giải khát;
- + Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn;

Công ty có trụ sở chính tại số 5E Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Với các chi nhánh:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
CN Tiền Giang	Số 333 QL 50, ấp 2, xã Đạo Thạnh, TP.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
CN Đồng Tháp	Số 1013 Điện Biên Phủ, P. Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
CN Bến Tre	Số 24/E3 Nguyễn Thị Định, ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, TP Bến Tre
CN Trà Vinh	Số 187A Hùng Vương, phường 5 TX Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
CN Long An	Số 140 đường 833, KP Phú Nhơn, phường 5, TX Tân An, Tỉnh Long An

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là người 66, trong đó số nhân viên quản lý là 21 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

U
*
H
H
N

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4.2. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất kho áp dụng theo giá nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

4.4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:

Thời gian (năm)

Tài sản cố định hữu hình

Máy móc thiết bị	7
Thiết bị văn phòng	3-5
Phương tiện vận tải	10



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu hoặc đầu tư vào các đơn vị khác có thời hạn thu hồi hoặc nắm giữ trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi các loại chứng khoán đầu tư bị giảm giá và chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào chi phí tài chính

Các khoản dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc ban đầu trừ đi giá giao dịch bình quân của các loại chứng khoán được cung cấp tối thiểu bởi 3 công ty chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4.6. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí hỗ trợ bán hàng. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị bao bì vỏ chai kết, palet được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 48 tháng, trong năm khi vỏ chai kết được thanh lý thì phần giá trị còn lại đến thời điểm thanh lý sẽ được kết chuyển vào chi phí.

4.8. Doanh thu

Doanh thu trong kỳ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được giao cho người mua.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi công ty nhận giấy báo có của ngân hàng VIB về khoản tiền mua hàng, đồng thời xuất hóa đơn kiêm phiếu xuất kho cho khách hàng.

4.9. Thuế

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành (TNDN):

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận thu được

Công ty được giảm 30% thuế TNDN năm 2009 theo Nghị định số 30 của Chính phủ và thông tư số 03 của Bộ tài chính về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty thỏa mãn điều kiện thứ 2 có số lao động dưới 300 người.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	6.196.888 (a)	8.579.437
Tiền gửi ngân hàng	16.987.695.459 (b)	25.506.377.884
Cộng	16.993.892.347	25.514.957.321

(a) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2009 như sau:

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Văn phòng công ty tại Vĩnh Long	1.514.962	3.208.244
Chi nhánh Tiền Giang	4.441.548	-
Chi nhánh Long An	240.378	3.020.586
Chi nhánh Bến Tre	-	469.537
Chi nhánh Đồng Tháp	-	1.881.070
Cộng	6.196.888	8.579.437

(b) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2009 như sau:

	01/01/2009	01/01/2009
Văn phòng công ty tại Vĩnh Long	16.979.015.064	25.499.905.163
Chi nhánh Tiền Giang	2.110.072	1.082.290
Chi nhánh Bến Tre	3.245.249	2.153.008
Chi nhánh Trà Vinh	1.071.605	1.074.764
Chi nhánh Đồng Tháp	1.141.281	1.077.540
Chi nhánh Long An	1.112.188	1.085.119
Cộng	16.987.695.459	25.506.377.884

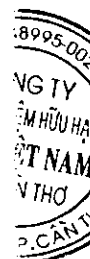
5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Phải thu các bên có liên quan	376.098.514	505.942.974
Phải thu bên thứ ba	31.711.724	-
Cộng	407.810.238	505.942.974
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.713.800) (*)	(1.713.800)
Tổng cộng	406.096.438	504.229.174

(*) Dự phòng phải thu nước khoáng Đakai

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Trả trước các bên có liên quan	14.000.140	2.691.492.962
Trả trước bên thứ ba	6.600.000	-
Cộng	20.600.140	2.691.492.962



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Phải thu khác các bên có liên quan	493.405.034 (*)	2.244.238.120
Phải thu khác bên thứ ba	1.035.836.948	131.226.464
Cộng	1.529.241.982	2.375.464.584

(*) Khoản phải thu các bên có liên quan có khoản chi hộ cho nhân viên thị trường của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn (gọi tắt là Tổng Công ty) từ tháng 6 năm 2008 trở về trước, trong đó Tổng công ty không xác nhận công nợ với số tiền là 120.280.900VND.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	627.588.840
Công cụ, dụng cụ	-	43.625.110
Hàng hoá tồn kho	9.026.459.348	17.225.041.972
Chi phí mua hàng	400.539.013	-
Hàng hoá mua ngoài(VPOC)	1.595.268.840	873.457.500
Cộng	13.334.751.051	18.769.713.422

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tạm ứng	53.902.000 (*)	529.823.025
Cộng	53.902.000	529.823.025

(*) Nhân viên phòng kinh doanh ứng thực hiện chương trình hỗ trợ bán hàng

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu năm	42.339.440	1.206.273.238	111.371.959	1.359.984.637
- Mua trong năm	-	-	211.240.433	211.240.433
Số dư cuối năm	42.339.440	1.206.273.238	322.612.392	1.571.225.070
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	3.698.355	167.437.054	52.216.696	222.352.105
- Khấu hao trong năm	27.535.296	120.627.312	6.048.492	154.211.100
Số dư cuối năm	31.233.651	288.044.366	57.265.188	376.563.205
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	38.641.085	1.038.836.184	60.155.263	1.137.632.532
Tại ngày cuối năm	11.105.789	918.208.872	265.347.204	1.194.661.865
Trong đó:				
- Đã KH hết, đang sử dụng	-	-	36.548.582	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5.8 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 VND
Tiền mua đất xây văn phòng và kho hàng tại chi nhánh Trà Vinh	2.639.130.000
Cộng	2.639.130.000

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Góp vốn liên doanh	-	1.473.867.400
Đầu tư cổ phiếu	5.995.000.000 (a)	5.995.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.635.214.327 (b)	804.119.727
Cộng	9.630.214.327	8.272.987.127
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.640.913.639) (c)	(2.187.002.384)
Tổng cộng	7.989.300.688	6.085.984.743

(a) Chi tiết số dư cổ phiếu tại ngày 31/12/2009

Tên Công Ty	Số cổ phần	Số tiền
TCT cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn	28.500	1.995.000.000
Công ty CP bia NGK Sài Gòn Tây Đô	325.000	3.250.000.000
Công ty cổ phần Rượu Bình Tây	30.000	750.000.000
Cộng		5.995.000.000

(b) Chi tiết đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nhà hàng Quang Kiệt (Đoàn Quang Kiệt)	353.000.000	355.000.000
Hội quán bia Sài Gòn - Trà Vinh	160.319.727	229.119.727
Công ty CP VT & TM Minh Thảo	160.000.000	220.000.000
Hội quán Tư Loa Đồng Tháp	84.000.000	-
Hội quán bia Sài Gòn Vĩnh Long	2.878.014.327	-
Cộng	3.635.214.327	804.119.727

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2009

Tên đơn vị	Số cổ phần	Dự phòng giảm giá đầu tư đã lập 2008	Dự phòng giảm giá đầu tư phải lập 2009	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư 2009
TCT Cổ phần bia-rượu-NGK Sài Gòn	28.500	1.168.500.000	654.474.000	514.026.000
Công ty CP Bia NGK Sài Gòn Tây Đô		1.018.502.384	986.439.639	32.062.745
Cộng		2.187.002.384	1.640.913.639	546.088.745



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Chi phí công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	123.299.051	79.895.079
Vỏ chai, vỏ kết bia, palet	18.407.517.066 (a)	13.599.238.353
Cộng	18.530.816.117	13.679.133.432

(a) Chi tiết bao bì phân bổ và thanh lý:

Loại bao bì	Giá trị còn lại đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Giá trị phân bổ trong kỳ	Giá trị thanh lý trong kỳ	Giá trị còn lại cuối kỳ
Vỏ chai 450 (chai)	3.960.948.991		1.027.280.290	2.933.668.699	-
Vỏ chai 355 (chai)	3.609.192.958		945.275.334	2.663.917.624	-
Vỏ chai 330 (chai)	156.788.210		4.540.386	152.247.824	-
Vỏ kết 450 (kết)	-	16.445.020.000	1.131.228.750	4.416.829.030	10.896.962.220
Vỏ kết 330 (kết)	-	148.000.000	107.821.051	40.178.949	-
Vỏ kết 355 (kết)	-	8.947.340.000	1.493.176.328	144.892.000	7.309.271.672
Kết nhựa xanh (cái)	246.485.393	672.000	69.385.322	109.512.000	68.260.071
Kết nhựa đỏ (cái)	5.595.946.482	10.836.000	1.524.463.023	4.071.483.461	10.836.000
Palet nhựa (cái)	29.876.319	116.250.000	23.939.216	-	122.187.102
Cộng	13.599.238.353	25.668.118.000	6.327.109.700	14.532.729.587	18.407.517.066

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Phải trả người bán các bên liên quan	7.673.723.818	1.096.633.483
Phải trả người bán khác	2.604.160.904	-
Cộng	10.277.884.722	1.096.633.483

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.296.500.311	147.078.308
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.942.742.259	848.586.784
Thuế thu nhập cá nhân	152.518.162	164.312.307
Cộng	5.391.760.732	1.159.977.399

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng	205.170.000	492.986.000
Trích chi phí chương trình tiệc cưới	190.631.200	83.445.120
Chi phí hỗ trợ hao bẻ bao bì	606.829.106	374.488.000
Vật phẩm quảng cáo	236.279.250	-
Chi phí bốc xếp	161.398.262	-
Chi phí khuyến mãi tivi	338.181.750	-
Chi phí hỗ trợ quán	109.000.000	-
Chi phí vận chuyển và chi phí khác	-	8.815.827.089
Cộng	1.847.497.569	9.766.746.209

0044899
 CÔNG
 ÁCH NHIỆM
 ĐO VIẾT
 CN. CẦN
 H. KIỀU-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Kinh phí công đoàn	119.941.500	55.160.000
BHXH, BHYT	14.415.069	6.863
Cổ tức phải trả	14.000.000.000	-
Phải trả khác	41.125.598	3.240.000
Cộng	14.175.482.167	58.406.863

5.15 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Giá trị thế chấp, ký cược vô chai, kết	2.062.317.400	8.212.775.912
Cộng	2.062.317.400	8.212.775.912

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng Tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc VCSH</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	512.874.731	256.437.366	94.600.849	1.066.959.631	11.930.872.577
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000	-	-	-	-	30.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	13.883.651.008	13.883.651.008
Trích lập quỹ	-	1.368.365.101	684.182.550	56.255.372	(3.477.168.124)	(1.368.365.101)
Giảm khác	-	-	-	(150.856.221)	(603.322.360)	(754.178.581)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.310.000.000)	(6.310.000.000)
Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay	40.000.000.000	1.881.239.832	940.619.916	-	4.560.120.155	47.381.979.903
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	34.223.688.825	34.223.688.825
Trích lập quỹ	-	3.684.461.853	1.939.190.449	396.500.000	(9.704.614.155)	(3.684.461.853)
Giảm khác	-	-	-	(96.500.000)	-	(96.500.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	5.565.701.685	2.879.810.365	300.000.000	15.079.194.825	63.824.706.875

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 8 năm 2008 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, công ty mẹ của Công ty đã góp đủ vào vốn điều lệ của Công ty.

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNĐKKD VND	Vốn thực góp VND	Tỉ lệ %
Công ty TNHH MTV TM SA BE CO	36.000.000.000	36.000.000.000	90,00
Bà Trần Kim Chiến	27.000.000	27.000.000	0,07
Ông Trần Văn Giàu	27.500.000	27.500.000	0,07
Cổ đông khác	3.945.500.000	3.945.500.000	9,86
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	100,00



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Công ty TNHH Một TV TM Sa Be Co	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Cổ đông là công nhân viên	514.000.000	514.000.000
+ Cổ đông chiến lược (đại lý)	3.486.000.000	3.486.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.000.000.000	6.310.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2009 (VND)	01/01/2009 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000VND/ cổ phiếu.

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế, dùng để bù đắp tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: dùng để chi khen thưởng ban điều hành sau khi có quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí lương	3.711.875.000	5.763.595.065
Chi phí bao bì, công cụ, dụng cụ	11.735.598	68.195.264
Chi phí hao mòn bao bì, vỏ chai	6.654.345.738	1.956.146.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.243.330	5.812.635
Chi phí phí dịch vụ mua ngoài	9.812.954.589	28.021.316.222
Chi phí bằng tiền khác	4.443.698.178	4.615.039.688
Cộng	24.645.852.433	40.430.105.859

6.6 Chi phí quản lý

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí lương	2.393.125.000	1.689.481.255
Chi phí công cụ, dụng cụ	83.021.140	31.185.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.967.770	92.311.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.348.676.067	246.808.596
Chi phí bằng tiền khác	293.570.893	615.164.341
Cộng	4.261.360.870	2.674.951.370

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Thanh lý vỏ chai kết cượ	19.331.242.102	98.181.818
Thu hỗ trợ bán hàng	677.919.334	456.641.702
Thu hộ tiền hỗ trợ bán hàng	-	740.437.527
Thu nhập khác	103.888.192	868.830
Cộng	20.113.049.628	1.296.129.777

6.8 Chi phí khác

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Chi phí vỏ chai và kết bia thanh lý	14.096.078.797	93.790.548
Chi hộ tiền hỗ trợ bán hàng	93.654.937	504.050.154
Chi hộ tiền hỗ trợ bán hàng	-	469.141.615
Chi phí khác	10.000.000	19.372.970
Cộng	14.199.733.734	1.086.355.287

3004481
CÔNG
SÁCH NHIỆM
ĐO VIÊN
CN. CẦN
KIỀU-TP

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Năm 2009, Công ty áp dụng chế độ ưu đãi miễn giảm theo qui định tại Thông tư số 03/TT-BTC (TT 03) do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 được giảm 30%.

	Năm 2009 (VND)	Năm 2008 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	41.462.915.539	19.436.417.907
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) TNCT		
Chi phí không hợp lệ (phạt, chi hỗ trợ khác)	470.100.000	34.222.970
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(546.088.745)	2.187.002.384
Cổ tức đầu tư được chia	(19.917.000)	-
Thu nhập chịu thuế trong năm	41.367.009.794	21.657.643.261
Thuế suất	25%	28%
Thuế TNDN ước tính trong năm	10.341.752.449	6.064.140.113
Thuế thu nhập được giảm theo TT 03	(3.102.525.735)	(511.373.214)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.239.226.714	5.552.766.899

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận sau thuế	34.223.688.825	13.883.651.008
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	1.796.771
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.556	7.727

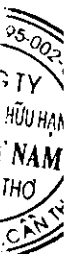
7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH 1 TV TM Sa Be Co	TP.HCM	Công ty mẹ (nhà đầu tư)
Công ty Cổ Phần Rượu Bình Tây	TP.HCM	Công ty con của tập đoàn Sabeco
Công ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia SG	TP.HCM	Công ty con của tập đoàn Sabeco
Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Miền Tây	TP.HCM	Công ty con của tập đoàn Sabeco
Tổng Công ty CP Bia Rượu – NGK Sài Gòn	TP.HCM	Công ty mẹ của nhà đầu tư



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SABECO SÔNG TIỀN

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền giao dịch VND
Công ty TNHH Một Thành Viên TM SA BE CO	Mua hàng	1.366.596.451.561
	Trả tiền hàng	1.362.086.672.717
Công ty cổ phần NGK Chương Dương	Mua hàng	13.624.468.830
	Trả tiền hàng	14.374.904.151
Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây	Mua hàng hóa	176.880.000
Công ty CP VT và giao nhận Bia Sài Gòn	Sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa	71.461.687.309

Các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Phải thu (phải trả) VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Phải thu tiền bán hàng	366.204.740
	Phải thu tiền chi hộ NVTT	373.124.134
Công ty cổ phần NGK Chương Dương	Trả thừa tiền mua hàng	14.000.140
Công ty TNHH Một Thành Viên TM SA BE CO	Phải trả tiền mua hàng	(1.818.285.882)
Công ty CP Rượu Bình Tây	Phải trả tiền mua hàng	(189.779.960)
	Phải thu hoa hồng	34.615.614
	Phải thu tiền chi hộ	30.976.000
Công ty CP VT và giao nhận Bia Sài Gòn	Phải trả tiền vận chuyển	(5.724.857.976)

Đầu tư góp vốn vào các công ty liên quan như sau:

Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Đầu tư mua cổ phiếu	1.950.000.000
Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	Góp vốn điều lệ	3.250.000.000



BÙI CHÍ HIẾU
Q. Kế toán trưởng



TRẦN KIM CHIẾN

Giám đốc

Thành phố Vĩnh Long, ngày 10 tháng 02 năm 2010